

Số: 237/TB-THCSTY

Thanh yên, ngày 08 tháng 09 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc nộp hồ sơ học sinh hưởng các chế độ an sinh xã hội Năm học 2026-2027

Căn cứ Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí miễn, giảm, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BTBLĐXH-BTC ngày 13/12/2013 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Bộ Tài chính Quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

Căn cứ vào Nghị định 66/2025/NĐ-CP ngày 12/03/2025 quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên, ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách.

Căn cứ Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ Quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người;

Căn cứ Quyết định số 60/QĐ-BDTG ngày 29/01/2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo công bố danh sách thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 22/01/2026 của UBND tỉnh phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 17/8/2026 của UBND tỉnh phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ vào Công văn số 3966/SGDĐT - KHTC ngày 07/09/2026 về việc hướng dẫn quy trình, thủ tục xét duyệt đối tượng và thực hiện chính sách đối với học sinh, sinh viên năm học 2026-2027;

Nhà trường thông báo tới các bậc phụ huynh, các em học sinh và các thầy, cô giáo chủ nhiệm cùng toàn thể cán bộ giáo viên, nhân viên trong trường về đối tượng,

trình tự thủ tục xét, thời gian nộp hồ sơ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập,.... tại trường như sau:

I. Hồ sơ, hình thức xét, đối tượng được hưởng chính sách

1. Chính sách miễn giảm học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ

Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông (học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông) trong cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

2. Chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ

2.1. Đối tượng được hưởng

a. Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ.

b. Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông là người khuyết tật.

c. Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

d. Trẻ em học mầm non, học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông mà bản thân và cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ (trong trường hợp ở với người giám hộ) có nơi thường trú và đang học tại cơ sở giáo dục ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền hoặc học tại cơ sở giáo dục trên địa bàn khác theo quy định của địa phương trong trường hợp trên địa bàn thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo không có cơ sở giáo dục.

2.2. Hồ sơ, hình thức, thời hạn nộp hồ sơ.

- Đơn theo mẫu tại Phụ lục II Nghị định số 238/2025/NĐ-CP, kèm theo bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao từ sổ gốc giấy tờ trong trường hợp sau:

+ Giấy xác nhận mồ côi cả cha lẫn mẹ do Ủy ban nhân dân xã, phường cấp áp dụng đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP.

+ Giấy xác nhận khuyết tật hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội do Ủy ban nhân dân xã, phường cấp áp dụng đối với đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP.

+ Giấy xác nhận hộ nghèo do Ủy ban nhân dân xã, phường cấp cho đối tượng được quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP.

- Các hình thức nộp hồ sơ: Nộp trực tiếp cho cơ sở giáo dục hoặc qua bưu điện hoặc qua cổng dịch vụ công quốc gia (trường hợp người học nộp hồ sơ sau thời hạn quy định thì được xem xét hưởng chính sách kể từ thời điểm nộp hồ sơ cho đơn vị tiếp nhận hồ sơ theo quy định).

- Thời hạn nộp hồ sơ: Thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày khai giảng năm học.

3. Chính sách đối với học sinh khuyết tật theo quy định tại Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BTBLĐXH-BTC

3.1 Đối tượng hưởng chính sách

- Học sinh khuyết tật thuộc diện hộ nghèo hoặc cận nghèo

3.2 Hồ sơ, hình thức, thời hạn nộp hồ sơ.

- Đơn có xác nhận của nhà trường (mẫu đơn theo phụ lục).

- Giấy chứng nhận khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của Nhà nước (bản sao).

- Giấy chứng nhận là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do UBND xã, phường cấp (bản sao).

- Các hình thức nộp hồ sơ: Nộp trực tiếp cho cơ sở giáo dục.

- Thời hạn nộp hồ sơ: Thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu năm học mới.

4. Đối tượng được hưởng theo ND 57 dân tộc ít người

4.1 Đối tượng hưởng chính sách

- Người dân tộc thiểu số rất ít người bao gồm: La Hủ, La Ha, Pà Thẻn, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, Cống, Cờ Lao, Bô Y, Si La, Pu Páo, Rơ Măm, BRâu, Ô Đu;

4.2 Hồ sơ, hình thức, thời hạn nộp hồ sơ.

- Đơn đề nghị hỗ trợ học tập (mẫu quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định 57/2017/NĐ-CP).

- Các hình thức nộp hồ sơ: Nộp trực tiếp cho cơ sở giáo dục.

- Thời hạn nộp hồ sơ: Thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày cơ sở giáo dục niêm yết thông báo, cha mẹ trẻ mẫu giáo; học sinh, sinh viên nộp đơn cho cơ sở giáo dục.

- Học sinh chỉ cần nộp đơn đề nghị hỗ trợ học tập một lần khi bắt đầu vào học tại một cơ sở giáo dục.

5. Đối tượng được hưởng theo ND 66/2025/NĐ-CP

5.1 Đối tượng hưởng chính sách

Học sinh bán trú học tại cơ sở giáo dục phổ thông;

Học sinh bán trú là học sinh đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông, ở lại trường hoặc khu vực gần trường để học tập trong tuần do không thể tự đi đến trường và trở về nhà trong ngày đáp ứng điều kiện sau:

5.1.1. Học sinh tiểu học và học sinh trung học cơ sở đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông (hoặc điểm trường) thuộc xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, nhà ở xa trường từ 4 km trở lên đối với học sinh tiểu học và từ 7 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở, hoặc địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua biển, hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá, thuộc một trong các trường hợp sau:

Bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều theo quy định của Chính phủ mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

5.2 Hồ sơ, hình thức, thời hạn nộp hồ sơ:

- Học sinh, học viên thuộc đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP nộp Đơn đề nghị hưởng chính sách học sinh bán trú (theo Mẫu số 04), Đơn đề nghị hưởng chính sách học viên bán trú (theo Mẫu số 05) quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP.

- Trường hợp học sinh, học viên thuộc hộ nghèo phải nộp bản chụp kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận hoặc Giấy xác nhận hộ nghèo theo từng năm trong trường hợp cơ quan, tổ chức không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Các hình thức nộp hồ sơ: Nộp trực tiếp cho cơ sở giáo dục hoặc qua bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

- Thời hạn nộp hồ sơ: Thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày cơ sở giáo dục niêm yết thông báo.

II. Một số nội dung chung

1. Nhà trường yêu cầu giáo viên chủ nhiệm các lớp có trách nhiệm thông báo, đôn đốc phụ huynh học sinh nộp hồ sơ, các giấy tờ thủ tục liên quan đến chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và các chế độ đã nêu ở trên cùng phối hợp triển khai thực hiện, giáo viên chủ nhiệm có trách nhiệm thu hồ sơ của học sinh và nộp hồ sơ về bộ phận kế toán đúng thời gian quy định.

2. Việc xét duyệt các chính sách hỗ trợ học sinh thực hiện 01 lần/năm học. Đối với đối tượng thuộc hộ nghèo, cận nghèo hưởng chính sách đến hết tháng 12 năm 2026. Năm 2027, căn cứ Quyết định công nhận danh sách hộ nghèo của cấp có thẩm quyền, các cơ sở giáo dục có trách nhiệm rà soát (danh sách học sinh được hưởng chế

độ theo đối tượng hộ nghèo, cận nghèo), trình phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh sách theo quy định

3. Nhà trường không giải quyết bất cứ trường hợp nào nộp hồ sơ không đủ điều kiện và đúng thời hạn quy định.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc liên hệ trực tiếp với giáo viên chủ nhiệm hoặc kế toán nhà trường bà Đinh Thị Ngân kế toán nhà trường theo số điện thoại 0916 931 375 để được giải quyết./.

Nơi nhận:

- GVCN các lớp;
- BGH nhà trường;
- Bảng tin trường;
- Lưu: VT, KT

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Hồng